BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Số: 232/QĐ-ĐHTBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đại học chính quy 2022 của Trường Đại học Thái Bình Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 17/11/2020 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-ĐHTBD ngày 07/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác Ban giám hiệu Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 255/QĐ-ĐHTBD, ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ vào các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo góp ý về chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng các Khoa và Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo đại học chính quy các ngành" của Trường đại học Thái Bình Dương (*có chương trình đào tạo kèm theo*).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện) ;
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Phạm Quốc Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN DU LỊCH

Ngành đào tạo : Du lịch

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7810101

Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7810101.01	Quản trị Khách sạn – Nhà Hàng	Chính quy 2022
7810101.02	Quản trị Lữ hành – Sự kiện	Chính quy 2022
7810101.03	Du lịch sức khỏe	Chính quy 2022

(Ban hành theo Quyết định số: 232A/QĐ-ĐHTBD ngày 29/8/2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH 2

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương 2

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương 2

2.3. Căn cứ pháp lý 3

2.4. Căn cứ thực tiễn 3

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP 5

3.1. Mục tiêu đào tạo 5

3.2. Chuẩn đầu ra 7

3.3. Cơ hội nghề nghiệp 7

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP 8

4.1. Tiêu chí tuyển sinh 8

4.2. Tổ chức đào tạo 8

4.3. Điều kiện tốt nghiệp 11

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO 12

5.1. Cấu trúc chương trình 12

5.2. Danh mục môn học 12

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo 17

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 19

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình 19

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác 22

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN 23

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu 23

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình 26

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Với ban tham vấn chuyên môn và đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, chương trình luôn được cập nhật liên tục để thích ứng với các thay đổi của thị trường. Chương trình cam kết cung cấp một môi trường học tập năng động, khích lệ sinh viên tự đọc, tự học, tự suy luận và tự tin. Sinh viên được trang bị kiến thức rộng và các kỹ năng chuyên ngành cần thiết, đủ khả năng làm việc trong mọi môi trường và thích ứng với sự thay đổi của xã hội. Người học được tiếp cận các phương pháp giảng dạy tiên tiến, những chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của thị trường, đặc biệt là chuyên ngành Du lịch sức khỏe hoàn toàn mới ở Việt Nam. Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể làm việc trong các mảng chính sau:

- Front & Back Office trong khách sạn, resort;
- Dịch vụ ẩm thực trong nhà hàng;
- Dịch vụ lữ hành;
- Sự kiện và M.I.C.E. (du lịch hội nghị hội thảo);
- Dịch vụ sức khỏe trong du lịch;
- Giáo dục, tư vấn và nghiên cứu.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo : Du lịch

- Tên tiếng Anh : Tourism

- Mã ngành cấp 4 : 7810101

- Trình độ đào tạo : Đại học

- Loại hình đào tạo : Chính quy

- Loại văn bằng : Cử nhân

- Thời gian đào tạo : 3,5 năm

- Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ[1]

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7810101.01	Quản trị Khách sạn - Nhà hàng	Hospitality and Restaurant Management
7810101.02	Quản trị Lữ hành - Sự kiện	Travel and Event Management
7810101.03	Du lịch sức khỏe	Wellness Tourism

c) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

d) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Du lịch

[1] Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) Tầm nhìn: Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

b) Sứ mệnh: Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) Giá trị cốt lõi: Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

"THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM"

a) Thực học: Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) Toàn diện: Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dấn thân xã hội.

c) Trao quyền: Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) Tương tác: Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

- Nhận định Nhu cầu xã hội: Từ lâu, ngành Du lịch đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế xã hội, chiếm 10% GDP cả nước. Vì vậy, nhu cầu về nguồn nhân lực cho ngành, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, luôn trong trạng thái thiếu hụt. Đặc biệt, sau thời gian hai năm bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid19, lượng khách bùng nổ ngay khi du lịch được mở cửa trở lại, khách nội địa đạt trên 60 triệu lượt, khách quốc tế đạt 602.000 lượt người. Điều này đưa đến một thách thức lớn cho ngành, đó là sự thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực. Căn cứ vào tình hình hiện tại, việc đào tạo sinh viên ba chuyên ngành: Quản trị Khách sạn - Nhà hàng, Quản trị Lữ hành - Sự kiện và Du lịch sức khỏe của Khoa Du Lịch trường ĐH Thái Bình Dương là thật sự cần thiết, giúp cung cấp kịp thời nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường, góp phần phát triển Kinh tế, xã hội cho cả nước và cho tỉnh Khánh Hòa, chuẩn bị cho kế hoạch tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc trung ương với ngành du lịch là một ngành trọng điểm của tỉnh.

- -Đúc kết ý kiến doanh nghiệp: Số doanh nghiệp được khảo sát: 7 (bao gồm các khách sạn, resort và công ty du lịch ở Nha Trang).

CHUẨN ĐẦU RA / MỨC ĐÁNH GIÁ	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
Không cần thiết									
Chưa cần thiết									
Ít cần thiết			1	1			1	1	1
Cần thiết	3	3	1	1	2	2	1	1	1
Rất cần thiết	4	4	4	4	4	4	5	5	5
SỰ ĐÁP ỨNG CỦA SV									
Không đáp ứng									
Đáp ứng ít							1	1	1
Đáp ứng nhưng cần đào tạo thêm	1	1	1	1					
Đáp ứng	3	3	1		2	2	3	3	3
Hoàn toàn đáp ứng	1	1	1	1	1	1	1	1	1

- Đúc kết trải nghiệm của cựu SV: Số SV và cựu SV được khảo sát – 11; số đang làm đúng ngành đào tạo – 7.

CHUẨN ĐẦU RA / MỨC ĐÁNH GIÁ	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
Chưa cần thiết	2	1	1	1	1	1	0	0	0
Ít cần thiết	0	0	0	2	0	2	1	1	2
Cần thiết	4	6	6	4	6	5	4	4	5
Rất cần thiết	5	4	4	4	4	3	6	6	4
MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA SV									
Không đáp ứng	1	1	1	0	1	0	0	0	0
Đáp ứng ít	0	2	0	1	1	0	0	0	1
Đáp ứng nhưng cần đào tạo thêm	3	3	2	4	2	2	1	1	1
Đáp ứng	2	0	3	3	4	5	4	6	4
Hoàn toàn đáp ứng	5	5	5	3	3	4	6	4	5

Các ý kiến khác của người học:

1. Cần cho sinh viên thực hành nhiều tình huống gặp phải khi bước vào nghề. Chỉ rõ những khó khăn gặp phải khi đi làm, để sinh viên có cái nhìn khách quan về ngành du lịch.

2. Cần đào tạo tốt về trình độ giao tiếp (ngoại ngữ).

3. Như các anh chị chuẩn bị ra trường (không tiết lộ) trường cần nên đào tạo thêm cách đi đứng, xử lý tình huống, cách ăn nói (vd những lúc đông khách đặt biệt là điều chỉnh cảm xúc)

trường cần 1 khóa dạy cảm xúc, tính chuyên nghiệp không hối hả. Đặt biệt cần có là tiếng Anh và kỹ năng order.

4. Cần chú trọng nhất đến ngoại ngữ, vì đầu ra hiện tại rất cần ngoại ngữ.

- Đúc kết kinh nghiệm thực hiện CTĐT: Trong thời gian xây dựng CTĐT, Khoa và bộ môn đã tham khảo tài liệu từ các chuyên gia trong và ngoài nước nghiên cứu về ngành, so sánh đối chiếu với CTĐT của các trường trong và ngoài nước, khảo sát ý kiến của DN cũng như của người học, tìm hiểu về nhu cầu thị trường đối với ngành du lịch nói chung, ở Việt Nam và ở địa phương nói riêng. Một trong những khó khăn khi xây dựng CTĐT là phải theo dõi và bám sát sự thay đổi hầu như hằng ngày của ngành do nhiều nguyên nhân như nhu cầu và xu hướng tiêu dùng của du khách, tình hình kinh tế-xã hội và dịch bệnh trong và ngoài nước.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung

Chương trình Du lịch cung cấp cho sinh viên các nhóm kiến thức tổng quát về con người, tự nhiên, xã hội và lịch sử; kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ cũng như nhóm kiến thức chuyên biệt về quy trình và quản trị cho từng lĩnh vực sâu trong ngành du lịch và dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, lữ hành, sự kiện và chăm sóc sức khỏe) đáp ứng nhu cầu của du khách nội địa và quốc tế. Kèm theo đó là các kỹ năng cần thiết nhằm giúp sinh viên biết suy nghĩ đa chiều, có tư duy phản biện, có tính sáng tạo để thiết kế và tổ chức được các hoạt động và dịch vụ du lịch. Chương trình chuẩn bị cho người học nền tảng để có thể làm việc như những nhà quản lý cấp trung, các chuyên viên lành nghề trong các lĩnh vực du lịch và dịch vụ, giáo dục và nghiên cứu. Người học được xây dựng tinh thần học tập suốt đời và thích ứng với mọi hoàn cảnh.

b) Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo được thiết kế theo mô hình học qua trải nghiệm, kết nối chặt chẽ với thực tế thông qua các tình huống nhằm hướng đến các mục tiêu sau:

- Trang bị đầy đủ cho người học kiến thức chuyên ngành và trải nghiệm thực tế ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường thông qua các chương trình kiến tập, thực tập bắt đầu từ năm thứ nhất trở đi.

- Sau hai năm tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục tinh thần học hỏi suốt đời để tự bổ túc được kiến thức, kinh nghiệm, có khả năng thăng tiến nghề nghiệp nhanh và bền vững, thích nghi với những biến động trong xã hội. Sau 5 năm, sinh viên tốt nghiệp sẽ có thể đảm nhiệm được những vị trí quản lý cấp trung trong các doanh nghiệp du lịch và dịch vụ.

	Mục tiêu cụ thể của CTĐT	KTĐQG
1.	**KIẾN THỨC NGÀNH VÀ KIẾN THỨC BỔ TRỢ**	
1.1	Kiến thức cơ sở ngành: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngành du lịch nói chung, vai trò của du lịch trong nền kinh tế và đời sống VH-XH.	A1
1.2	Kiến thức cốt lõi ngành: giúp người học có kiến thức rộng hơn về ngành du lịch, hiểu được mối quan hệ của ngành với các lĩnh vực khác, những góc nhìn khác nhau về các vấn đề trong ngành.	A1

Mục tiêu cụ thể của CTĐT		KTĐQG
1.3	Kiến thức chuyên ngành: cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu theo từng lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch như nhà hàng, khách sạn, lữ hành, sự kiện, du lịch chăm sóc sức khỏe, thông qua trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp và sự chia sẻ của chuyên gia trong ngành	A2
1.4	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	A3
1.5	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật	A2
1.6	Kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng – an ninh	
2.	**KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP**	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề: người học được thực hành và tham quan thực địa, khảo sát trong các môn học để áp dụng lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề được đặt ra thông qua phân tích, tổng hợp, lập luận và trình bày báo cáo.	B1, B2, C3
2.2	Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức: sinh viên được hướng dẫn để thực hiện những đề án, nghiên cứu nhỏ nhằm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực khác nhau trong chuyên ngành của mình, làm việc độc lập, tương tác với các thành viên khác trong nhóm.	B1, B2, C3
2.3	Thái độ, tư duy và học tập: giúp ngươi học có tư duy phản biện, suy nghĩ độc lập và đa chiều, thái độ đúng đắn trong công việc, có ý muốn học tập suốt đời.	B3
2.4	Đạo đức và trách nhiệm khác: Sứ mệnh đào tạo mà chương trình đang hướng tới được gói gọn trong câu châm ngôn của Khoa: Học - Đi - Trưởng thành. Đào tạo nên những người lành nghề, yêu nghề, có trách nhiệm với bản thân và với xã hội để trở thành công dân toàn cầu.	
3.	**KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC**	
3.1	Làm việc nhóm: giúp người học biết hòa đồng, chấp nhận người khác với những ý kiến trái chiều, tự điều chỉnh mình cho phù hợp với môi trường xung quanh và biết hỗ trợ người khác để đạt được mục tiêu chung.	C1, B4
3.2	Giao tiếp: kỹ năng nói trước đám đông, trình bày các vấn đề / báo cáo một cách mạch lạc, hiệu quả thông qua việc xử dụng các công cụ truyền thông.	B5
3.3	Giao tiếp bằng ngooại ngữ: tiếng Anh / tiếng Hoa / tiếng Hàn tùy theo lựa chọn của người học, ở trình độ bậc 3/6, có khả năng giao tiếp với khách hàng, đồng nghiệp hoặc đối tác khi hành nghề.	B6
4.	**NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP**	
4.1	Lập kế hoạch và quản lý dự án: biết hoạch định kế hoạch, phân công và lựa chọn các yếu tố phù hợp cho việc thực hiện dự án.	A4, C4
4.2	Triển khai dự án: cung cấp cho người học các kỹ năng để tổ chức thực hiện dự án / công việc sao cho đạt kết quả tốt nhất, biết điều chỉnh khi cần thiết.	A4
4.3	Vận hành: sau khi học xong các môn học chuyên sâu, người học có khả năng vận hành các hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch cho các đối tượng khách hàng khác nhau.	A4
4.4	Giám sát: người học hiểu rõ các quy trình làm việc trong ngành để có thể giám sát, tự đánh giá và đánh giá được việc thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	A4, B4

Mục tiêu cụ thể của CTĐT		KTĐQG
4.5	Quản lý, quản trị: người học nắm được phương cách quản lý những đơn vị nhỏ và trung trong doanh nghiệp, có khả năng kết nối, tạo các mối liên kết để đạt được kết quả trong công việc.	A5, C3
4.6	Lãnh đạo, khởi nghiệp: cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng để lãnh đạo nhóm và khởi nghiệp, tạo việc làm cho xã hội, đóng góp cho ngành du lịch nói riêng và nền kinh tế nói chung.	B5, C4

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, quản trị trong khối ngành khoa học xã hội, dịch vụ và du lịch.
PLO2	Áp dụng được các kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý, sự kiện để xác định nhu cầu của từng thị trường, đối tượng du khách khác nhau; thiết kế các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch phù hợp nhu cầu thị trường.
PLO3	Phân tích, tổng hợp các vấn đề để đánh giá vấn đề cho đúng thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập; hướng tới các vị trí quản lý cấp trung sau tốt nghiệp.
PLO4	Xử lý các vấn đề thực tế trong lĩnh vực du lịch, dựa trên tư duy phản biện và thói quen quan sát toàn diện.
PLO5	Lập kế hoạch chung và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế; tổ chức triển khai các hoạt động du lịch của nhà hàng, khách sạn, lữ hành, sự kiện, các điểm vui chơi, các khu nghỉ dưỡng trung và cao cấp để phục vụ du khách.
PLO6	Phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch hoặc đưa ra giải pháp thị trường theo nhiều hình thức khác nhau, đưa ra được các dự đoán về xu hướng ngành và nghề nghiệp trong tương lai.
PLO7	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.
PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.
PLO9	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột…

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

❖ Lĩnh vực nghề nghiệp

- Cơ quan quản lý du lịch
- Cơ sở kinh doanh du lịch
- Đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch và sự kiện

❖ Vị trí nghề nghiệp

- Làm nhân viên và quản lý các bộ phận tại các cơ sở lưu trú, các nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh ẩm thực.

- Làm việc tại bộ phận điều hành, hoặc hướng dẫn viên tại các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa, hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện.

- Làm nhân viên và quản lý trong bộ phận cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách trong các resorts hoặc khách sạn cao cấp, trong các trung tâm nghỉ dưỡng, các viện phục hồi sức khỏe...

- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, trở thành chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch.

- Làm việc ở bộ phận khác của các doanh nghiệp.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc.
Khám phá ngành nghề	Bạn học các môn cơ sở ngành song song với các học phần nghiệp vụ để chuẩn bị cho việc thực tập.
Phát triển chuyên môn	Tích lũy kiến thức chuyên môn, thực tập và cọ xát, trải nghiệm thực tế, áp dụng kiến thức vào thực tiễn doanh nghiệp.
Làm chủ bản thân	Thực hiện các đề án thực tế, thực tập và làm việc như một nhân viên tại khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, công ty sự kiện.

c) Phương pháp dạy và học

CTĐT của ngành Du lịch áp dụng tất cả các phương pháp dạy và học sau đây để mang lại những trải nghiệm đa dạng cho người học, đặc biệt ở các phần Cơ sở ngành, Cốt lõi ngành và Chuyên ngành của chương trình.

PHƯƠNG PHÁP	DIỄN GIẢI
Học qua dự án (Project-based learning)	Người học được nhận những dự án nhỏ để thực hiện trong thực tế nhằm giải quyết một vấn đề nào đó, hay chuẩn bị cho một đề tài nghiên cứu, khóa luận cuối khóa. Ngoài ra người học

PHƯƠNG PHÁP	DIỄN GIẢI
	cũng có thể nhận thực hiện một đơn đặt hàng dự án thực tế nhỏ từ phía doanh nghiệp.
Học qua điển cứu/nghiên cứu trường hợp (Case study)	Đây là phương pháp nghiên cứu ứng dụng chuyên sâu lý thuyết cho một trường hợp, sự kiện đã xảy ra và có thật, giúp người học hiểu, hình dung rõ hơn nội dung đang học. Trong một Case Study, gần như mọi khía cạnh của chủ đề đều được phân tích và đưa ra ví dụ minh chứng một cách rõ ràng, dễ hiểu.
Lớp học đảo (Flipped classroom)	Người học đóng vai trò chủ động trong lớp, chuẩn bị và trình bày nội dung bài giảng, tổ chức thảo luận, tranh luận, bài tập, tự đánh giá lẫn nhau. Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, cố vấn và điều chỉnh những sai lệch trong thông tin (nếu có), xác nhận việc đánh giá lẫn nhau của người học.
Phương pháp điền dã (Field study)	Nghiên cứu điền dã là phương pháp nghiên cứu định tính của thu thập dữ liệu tự nhiên nhằm quan sát, phân tích những yếu tố trong môi trường tự nhiên. Từ đó đưa ra những phân tích về hành vi, đặc điểm của từng cá nhân, vật thể trong môi trường đó.
Phương pháp thực địa (On-site learning)	Người học được học ngay tại điểm du lịch hay khách sạn, nhà hàng trong các buổi tham quan, quan sát và được nhân viên tại nơi này giải thích, trả lời các câu hỏi và sẽ được yêu cầu viết báo cáo sau buổi thực địa.
Thực tập (Internship)	Người học có cơ hội trải nghiệm từ 2 đến 6 tháng tại các doanh nghiệp trong ngành để tích lũy kinh nghiệm và nâng cao tay nghề. Tuy chưa phải là nhân viên chính thức, quá trình thực tập giúp người học có cơ hội làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và dễ dàng tìm được công việc phù hợp cho tương lai.
Phương pháp đóng vai (Role play)	Người học được phân vai, đặt mình vào vị trí của một người khác để thấu hiểu hơn về nghề nghiệp, tâm lý khách hàng hay đối tác, được tiếp nhận thực tế từ các góc nhìn khác nhau, do đó sẽ có được nhiều hướng giải quyết vấn đề.
Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning)	Người học ứng dụng những gì đã học để truyền đạt lại cho cộng đồng hoặc để hỗ trợ cộng đồng xây dựng các mô hình và cung cấp những dịch vụ cơ bản trong ngành cho khách hàng.
Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)	Phương pháp này còn được gọi là "học kỳ doanh nghiệp", khi người học được tiếp nhận kiến thức không phải tại lớp học truyền thống mà tại doanh nghiệp, nơi họ có thể trao đổi trực tiếp với những chuyên gia, nhân viên có kinh nghiệm lâu năm trong nghề và thực hành tại chỗ những gì vừa học được.
Phương pháp mô phỏng (Simulation)	Là phương pháp tiếp cận nhận thức thế giới thực thông qua mô hình. Nhờ đó, ngoài việc tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc, sinh

PHƯƠNG PHÁP	DIỄN GIẢI
	viên còn có thể tự tìm ra cách tiếp cận vấn đề, các giải pháp để đạt mục tiêu. Đặc biệt sinh viên còn có thể tạo dựng và điều khiển tại chỗ các đối tượng theo ý muốn (tự tạo Khách sạn, doanh nghiệp, công ty Lữ hành, v.v.) để như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)	Người học được tham gia những trò chơi có tính giáo dục, thực hành những mô hình cho sẵn liên quan đến ngành nghề để có được trải nghiệm, biết cách giải quyết vấn đề và tự đánh giá được các quyết định của mình.
Tranh luận, tranh biện (Debate)	Các buổi thuyết trình nhóm/cá nhân và phần trao đổi phản biện giữa SV với nhau hoặc/và giữa SV với GV giúp SV nâng cao khả năng tự tin, kỹ năng hung biện, trình bày trước đám đông và làm việc nhóm.
Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)	Đây là phương pháp truyền thống, GV truyền tải kiến thức môn học cho SV bằng các bài giảng lý thuyết.
Học theo phương pháp kết hợp (Blended learning)	Phương pháp này tạo sự linh động cho người dạy và người học, kết hợp vừa trực tiếp vừa trực tuyến. Người học có cơ hội nhận được sự chia sẻ từ các chuyên gia hay doanh nghiệp từ xa, tạo thêm sự phong phú và đa dạng trong các môn học.

d) Phương pháp đánh giá

Một môn học phải có ít nhất 3 thành phần đánh giá và thường không quá 5 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dàn trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục. Trong đó:

- A1 là thành phần bắt buộc, đánh giá qua các hoạt động tại lớp như thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề...

- A2 đến A5: Tùy biến theo môn học

(*) Nguyên tắc chung: Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

Các hình thức đánh giá được áp dụng hầu hết ở các giai đoạn của học phần và linh động tùy thuộc từng môn học cụ thể.

HÌNH THỨC	NỘI DUNG
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	Người học áp dụng các kiến thức đã học để giải bài tập (thường áp dụng ở các môn cần tính toán như kế toán, tài chính...), để trả lời các câu hỏi do người dạy đưa ra.

HÌNH THỨC	NỘI DUNG
Thuyết trình (Oral Presentation)	Người học tự chọn chủ đề hoặc nhận chủ đề từ GV, sau đó tự chuẩn bị nội dung và trình bày trước lớp (có thể sử dụng phương pháp trình chiếu PPT để hỗ trợ).
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	Trong thời gian đi thực tập, người học phải hoàn thành nhật ký để được đánh giá về quá trình thực hiện môn học của mình.
Thi viết tự luận (Essay)	SV trình bày quan điểm cá nhân trước 1 chủ đề cụ thể qua hình thức viết.
Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	Thường được áp dụng cho các môn về ngooại ngữ nhưng cũng được dùng để đánh giá nhanh trong chuyên ngành.
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	Người học được đánh giá qua phần trình bày và bảo vệ quan điểm hay trả lời câu hỏi trực tiếp, đối diện với GV hoặc các thành viên trong hội đồng.
Viết báo cáo (Written Report)	Áp dụng trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Giúp SV tóm tắt lại những trải nghiệm thực tiễn tại nơi thực tập và nêu những ý kiến cá nhân/đề xuất nếu có.
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	Tương tự với thuyết trình nhóm đã nêu trên.
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	SV tự chấm điểm lẫn nhau để đánh giá tính chuyên cần và khả năng tham gia vào công việc chung của nhóm. GV đánh giá nhóm qua phần thuyết trình hoặc/và tiểu luận của nhóm.
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)	SV chọn đề tài nghiên cứu (case study cụ thể liên quan đến ngành học), nêu được vấn đề nghiên cứu và đưa ra các giải pháp/kiến nghị.

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Tích lũy đủ 18 tín chỉ tiếng Anh/ tiếng Hàn/ tiếng là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương IELTS 5.0/ TOPIK I/ HSK 2.
- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn Công nghệ thông tin thời đại số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Và một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**	**53**	**22**	**31**
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	5	10
1.2	Ngoại ngữ	18		18
1.3	Chính trị	11	11	
1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	**NGÀNH**	**71**	**50**	**21**
2.1	Cơ sở ngành	24	24	
2.2	Cốt lõi ngành	26	26	
2.3	Chuyên ngành	21		21
3.	**TỐT NGHIỆP**	**6**		**6**
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	**130**	**72**	**58**
4.	**TÙY CHỌN MỞ RỘNG**	**45**		**45**
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**		**53**	**22**	**31**
1.1.	**Kiến thức và kỹ năng khai phóng**		**15**	**5**	**10**
1	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số		3	
2	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người		2	
	Sinh viên tự chọn tích lũy 10 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).				10

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.2.	**Ngoại ngữ** *Sinh viên có thể chọn một trong các ngoại ngữ đang được giảng dạy tại trường để hoàn thành 18 tín chỉ ngoại ngữ nền.*		**18**		**18**
1.2.1.	***Tiếng Anh***				
3	TA128E1	English 1			3
4	TA129E1	English 2			3
5	TA130E1	English 3			3
6	TA131E1	English 4			3
7	TA132E1	English 5			3
8	TA133E1	English 6			3
1.2.2.	***Tiếng Hàn***				
9	TH101K1	Tiếng Hàn sơ cấp 1			3
10	TH102K1	Tiếng Hàn sơ cấp 2			3
11	TH103K1	Tiếng Hàn sơ cấp 3			3
12	TH104K1	Tiếng Hàn sơ cấp 4			3
13	TH105K1	Tiếng Hàn trung cấp 1			3
14	TH106K1	Tiếng Hàn trung cấp 2			3
1.2.3.	***Tiếng Trung***				
15	TT111C1	Tiếng Trung 1			3
16	TT112C1	Tiếng Trung 2			3
17	TT113C1	Tiếng Trung 3			3
18	TT114C1	Tiếng Trung 4			3
19	TT115C1	Tiếng Trung 5			3
20	TT116C1	Tiếng Trung 6			3
1.3.	**Chính trị**		**11**	**11**	
21	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
22	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
23	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
24	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
25	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	**Thể chất và quốc phòng** *Không tính trung bình chung tích lũy*		**9**	**6**	**3**
26	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
27	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.	**NGÀNH**		**71**	**50**	**21**
2.1.	**Cơ sở ngành** *Sinh viên làm quen với các khái niệm cơ sở của ngành du lịch, hiểu rõ hơn về những giá trị phổ quát của ngành, giúp định hướng rõ ràng hơn trong tương lai với 24 tín chỉ bắt buộc trong phần Cơ sở ngành.*		**24**	**24**	
28	DL110V1	Nguyên lý ngành du lịch *(Principles of Tourism)*		3	
29	DL102V1	Kinh tế du lịch *(Economics of Tourism)*		3	
30	DL111V1	Nhập môn quản trị sự kiện *(Introduction to Event Management)*		3	
31	DL115V1	Kế toán tài chính trong du lịch *(Accounting and Finance in Tourism)*		3	
32	DL113V1	Du lịch thông minh *(Smart Tourism)*		3	
33	DL114V1	Di sản du lịch *(Heritage in Tourism)*		3	
34	DL203V1	Phát triển Du lịch bền vững *(Sustainable Tourism Development)*		3	
35	DL116V1	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc *(Planning and Operations Skills)*		3	
2.2.	**Cốt lõi ngành** *Sinh viên hoàn thành 26 tín chỉ các môn học ngành và các chuyên đề liên quan đến ngành học, thực hiện các kỳ thực tập và các đề án để cọ sát với thực tiễn doanh nghiệp, làm quen dần với môi trường công việc trong tương lai.*		**26**	**26**	
36	DL202V1	Sales và marketing du lịch *(Sales & Marketing in Tourism)*		3	
37	DL107V1	Chuyên đề 1: Y tế du lịch *(Seminar 1: Medical in Tourism)*		1	
38	DL108V1	Chuyên đề 2: Thủ tục xuất nhập cảnh *(Seminar 2: Immigration Procedures)*		1	
39	DL109V1	Chuyên đề 3: Pháp luật du lịch *(Seminar 3: Tourism Regulations)*		1	
40	DL208V1	Thực địa du lịch *(Field trips)*		2	
41	DL204V1	Thực tập nhận thức (8 tuần) *(First-year Internship – 8 weeks)*		3	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
42	DL210V1	Thực tập nghề nghiệp (12 tuần) *(Professional Internship – 12 weeks)*		4	
43	DL206V1	Đề án Du lịch 1 *(Tourism Project 1)*		2	
44	DL207V1	Đề án Du lịch 2 *(Tourism Project 2)*		3	
45	DL211V1	Kỹ năng xây dựng hệ sinh thái *(Networking Skills)*		3	
46	DL212V1	Kỹ năng hoạt náo *(CheersLeading Skills)*		3	
2.3.	**Chuyên ngành** *Sinh viên chọn một trong 03 chuyên ngành, mỗi chuyên ngành được mở tùy theo điều kiện của từng khóa học và điều kiện của nhà trường.*		**21**		**21**
2.3.1.	**Chuyên ngành: Quản trị Khách sạn - Nhà hàng** *Sinh viên được trang bị chuyên sâu để trở thành nguồn nhân lực tốt và chuyên viên quản lý cho ngành công nghệ hiếu khách (hospitality), thông qua kiến thức về quản trị, kỹ năng nghiệp vụ và trải nghiệm thực tế trong ngành khách sạn và nhà hàng, có khả năng tự học và phát triển lâu dài trong sự nghiệp.*				**21**
47	DL301V1	Nghiệp vụ buồng *(Housekeeping skills)*			3
48	DL324V1	Quản trị tiền sảnh *(Front Office Management)*			3
49	DL303V1	Nghiệp vụ nhà hàng *(Restaurant Service skills)*			3
50	DL304V1	Nghiệp vụ pha chế *(Bartender skills)*			3
51	DL313V1	Quản trị dịch vụ ẩm thực *(F&B services Management)*			3
52	DL318V1	Trò chơi kinh doanh *(Business Games)*			3
53	DL319V1	Catering			3
	Chuyên ngành: Quản trị Lữ hành - Sự kiện *Sinh viên được tiếp cận những kiến thức và kỹ năng phân tích, tổng hợp, kết hợp với các trải nghiệm thực tế trong doanh nghiệp cũng như tại thực địa để khám phá cái mới, hiểu hơn về việc tổ chức và quản lý các hoạt động của doanh nghiệp lữ hành và sự kiện, hoặc tại các điểm đến du lịch, tự mở rộng hiểu biết của mình theo hướng khai phóng.*				21
54	DL307V1	Du lịch M.I.C.E *(M.I.C.E Tourism)*			2

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
55	DL308V1	Quản trị khu giải trí *(Theme park Management)*			2
56	DL309V1	Tuyến điểm du lịch *(Tourism Routes & Points)*			3
57	DL311V1	Hướng dẫn và thuyết minh du lịch *(Tour Guiding)*			2
58	DL310V1	Thiết kế tour du lịch *(Tour Production)*			3
59	DL318V1	Trò chơi kinh doanh *(Business Games)*			3
60	DL104V1	Tổ chức sự kiện *(Event Operations)*			3
61	DL314V1	Kỹ năng truyền thông trong du lịch *(Communication skills in Tourism)*			3
	Chuyên ngành: Du lịch sức khỏe *Sinh viên được học về khả năng cân bằng trong cuộc sống và phát triển bền vững, trở thành nhân lực trung cấp và chuyên viên quản lý cho các bộ phận chăm sóc sức khỏe của du khách tại các resort, khách sạn, các trung tâm nghỉ dưỡng, các công ty du lịch thông qua các kiến thức về dịch vụ chăm sóc khách hàng và dịch vụ sức khỏe, cách thiết kế ẩm thực và cân bằng giữa sức khỏe thể chất và tinh thần cho khách hàng.*				21
62	DL315V1	Du lịch sức khỏe và Du lịch chữa bệnh *(Wellness Tourism and Medical Tourism)*			2
63	DL320V1	Quản trị điểm đến DL sức khỏe *(Wellness Tourism Destination Management)*			3
64	DL321V1	Quản lý dịch vụ Spa *(Spa Services Management)*			3
65	DL317V1	Chăm sóc sức khỏe tinh thần *(Mindfullness Healthcare)*			3
66	DL316V1	Dinh dưỡng và sức khỏe *(Nutrition and Health)*			3
67	DL322V1	Các liệu pháp chăm sóc sức khỏe 1 *(Wellness Therapy 1)*			2
68	DL323V1	Các liệu pháp chăm sóc sức khỏe 2 *(Wellness Therapy 2)*			2
69	DL325V1	Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong DL sức khỏe *(Wellness Customer Service)*			3

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
3.	**TỐT NGHIỆP** *Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:* *- Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ): theo quy định về thực tập của nhà trường.* *- Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8 trở lên.*		**6**		**6**
58	DL401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
59	DL402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	**TÙY CHỌN MỞ RỘNG**		**45**		**45**
4.1.	**Song ngành** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo khung quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).*		**30**		**30**
4.2.	**Ngành phụ** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (Phụ lục 3).*		**15**		**15**

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là 'hoạt động ngoại khóa', có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện... Xác định các hoạt động này 'bên ngoài khóa học' là bởi chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là 'hoạt động ngoại khóa' đơn thuần, mà coi đó là 'sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học'. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Trong nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB kỹ năng Du lịch, CLB Yoga, Vẽ tỉnh thức, CLB Ecolab, CLB Khởi nghiệp, CLB English, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc 'CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh viên chủ động phát triển'; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung, thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện TBD còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một "không gian tự quản". Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nới dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống "khai phóng" trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tenis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Giáo dục tổng quát											
1	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin							X		X
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin							X		X
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học							X		X
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh							X		X
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							X		X
6	TA128E1	English 1								X	
7	TA129E1	English 2								X	
8	TA130E1	English 3								X	
9	TA131E1	English 4								X	
10	TA132E1	English 5								X	
11	TA133E1	English 6								X	
12	TH101K1	Tiếng Hàn sơ cấp 1								X	
13	TH102K1	Tiếng Hàn sơ cấp 2								X	
14	TH103K1	Tiếng Hàn sơ cấp 3								X	
15	TH104K1	Tiếng Hàn sơ cấp 4								X	
16	TH105K1	Tiếng Hàn trung cấp 1								X	
17	TH106K1	Tiếng Hàn trung cấp 2								X	
18	TT111C1	Tiếng Trung 1								X	
19	TT112C1	Tiếng Trung 2								X	
20	TT113C1	Tiếng Trung 3								X	
21	TT114C1	Tiếng Trung 4								X	
22	TT115C1	Tiếng Trung 5								X	
23	TT116C1	Tiếng Trung 6								X	
24	CNTT109V1	CNTT thời đại số						X	X	X	X

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
25	LUAT112V1	Dẫn luận vào pháp luật và quyền con người						X	X	X	X
26	Kiến thức và kỹ năng khai phóng (10 tín chỉ)								X	X	X
Cơ sở ngành											
27	DL110V1	Nguyên lý ngành du lịch	X	X				X			
28	DL102V1	Kinh tế du lịch		X	X	X	X	X			
29	DL111V1	Nhập môn quản trị sự kiện	X	X	X	X	X			X	
30	DL115V1	Kế toán tài chính trong du lịch			X	X	X	X			
31	DL113V1	Du lịch thông minh	X	X	X	X	X	X	X		
32	DL114V1	Di sản du lịch	X	X	X	X	X	X	X		X
33	DL203V1	Phát triển du lịch bền vững	X	X	X	X	X	X	X	X	X
34	DL116V1	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	X	X	X	X	X	X	X	X	
Cốt lõi ngành											
35	DL202V1	Sales và marketing du lịch	X	X	X	X	X	X	X		
36	DL107V1	Chuyên đề 1: Y tế du lịch		X		X				X	
37	DL108V1	Chuyên đề 2: Thủ tục xuất nhập cảnh	X	X	X	X	X	X			
38	DL109V1	Chuyên đề 3: Pháp luật du lịch	X	X	X	X		X			X
39	DL208V1	Thực địa du lịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X
40	DL204V1	Thực tập nhận thức	X	X	X	X	X	X	X	X	X
41	DL210V1	Thực tập nghề nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X
42	DL206V1	Đề án du lịch 1	X	X	X	X	X	X	X	X	X
43	DL207V1	Đề án du lịch 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X
44	DL211V1	Kỹ năng xây dựng hệ sinh thái	X	X	X	X	X	X		X	X
45	DL212V1	Kỹ năng hoạt náo	X	X		X			X	X	
Chuyên ngành											
Quản trị Khách sạn – Nhà hàng											
46	DL301V1	Nghiệp vụ buồng	X	X	X	X			X	X	X

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
47	DL324V1	Quản trị tiền sảnh	X	X	X	X	X		X	X	X
48	DL303V1	Nghiệp vụ nhà hàng	X	X	X	X			X	X	X
49	DL304V1	Nghiệp vụ pha chế	X	X	X	X			X	X	X
50	DL313V1	Quản trị dịch vụ ẩm thực	X	X	X	X	X		X	X	X
51	DL318V1	Trò chơi kinh doanh	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52	DL319V1	Catering	X	X	X	X	X		X	X	X
Quản trị Lữ hành – Sự kiện											
53	DL307V1	Du lịch MICE	X	X	X	X	X	X	X	X	
54	DL308V1	Quản trị khu giải trí	X	X	X	X	X	X	X	X	
55	DL309V1	Tuyến điểm du lịch	X	X	X	X	X	X		X	X
56	DL311V1	Hướng dẫn và thuyết minh du lịch	X	X	X	X	X		X	X	X
57	DL310V1	Thiết kế tour du lịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X
58	DL318V1	Trò chơi kinh doanh	X	X	X	X	X	X	X	X	X
59	DL104V1	Tổ chức sự kiện			X	X				X	X
60	DL314V1	Kỹ năng truyền thông trong du lịch	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Du lịch sức khỏe											
61	DL315V1	Du lịch sức khỏe và du lịch chữa bệnh	X	X			X	X		X	X
62	DL320V1	Quản trị điểm đến DL sức khỏe	X	X	X	X	X	X	X	X	X
63	DL321V1	Quản lý dịch vụ Spa		X	X	X	X	X	X	X	X
64	DL317V1	Chăm sóc sức khỏe tinh thần	X	X	X	X	X			X	X
65	DL316V1	Dinh dưỡng và sức khỏe	X	X	X	X	X	X	X	X	X
66	DL322V1	Các liệu pháp chăm sóc sức khỏe 1	X	X		X				X	
67	DL323V1	Các liệu pháp chăm sóc sức khỏe 2	X	X	X	X				X	

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
68	DL325V1	Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong DL sức khỏe	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tốt nghiệp											
69	DL401V1	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70	DL402V1	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

Khối kiến thức / CTĐT	Giáo dục tổng quát	Cơ sở ngành	Cốt lõi ngành	Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	Quản trị lữ hành – Sự kiện	Du lịch sức khỏe	Thực địa du lịch	Thực tập nhận thức	Thực tập nghề nghiệp	Thực tập tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp	Tỷ lệ nội dung tương thích	Tỷ lệ nội dung gần
CTĐT 1	X	X	X	X	X		C	X	X	X	X	9/11	1/11
CTĐT 2	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	10/11	
CTĐT 3		X	C	X	C		C	C	X	X	X	5/11	4/11
CTĐT 4		X	C	X	C		C	C	X	X	X	5/11	4/11

CTĐT 1: Ngành Du Lịch – Đại học Mở TP.HCM:

https://drive.google.com/file/d/17a25hrh8DZKG4PfgZIbMjOFOO-pq1H0C/view

CTĐT 2: Ngành Quản trị dịch vụ du lịch & Lữ hành – Đại học Văn Lang

https://www.vanlanguni.edu.vn/images/AttachFile/so-tay-hoc-tap-2019/K25DLH.pdf

CTĐT 3: Bachelor of Tourism and Hospitality Management – Đại học RMIT

https://www.rmit.edu.vn/vi/hoc-tap-tai-rmit/chuong-trinh-cu-nhan/cu-nhan-quan-tri-du-lich-va-khach-san#program-structure

CTĐT 4: Bachelor of Tourism & Hospitality Management – University of The Commonwealth Carribean (UCC)

https://ucc.edu.jm/programmes/bm/bsc-tourism-and-hospitality-management

C: học phần có nội dung gần

X: học phần có nội dung tương thích

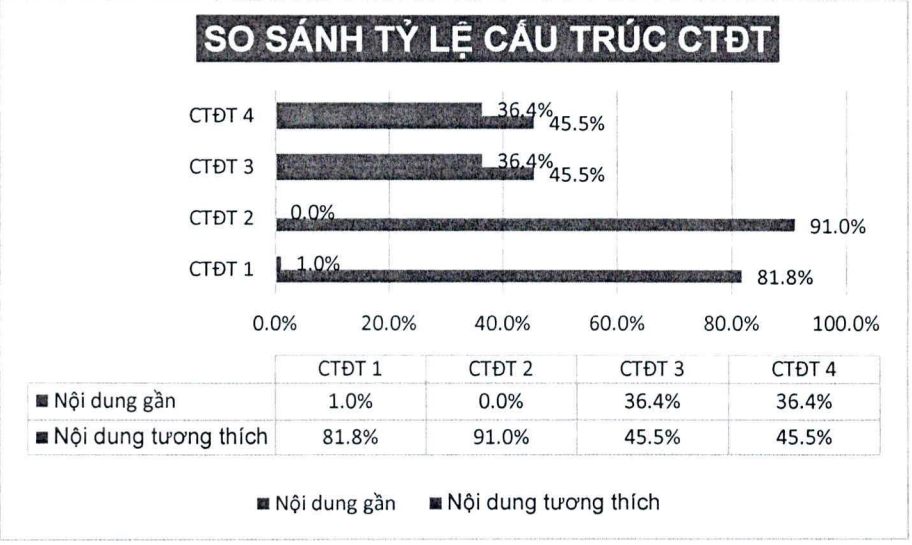

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		43		
	HỌC KỲ 1	**17**		
1	Ngoại ngữ 1	3	Tự chọn	
2	Công nghệ thông tin thời đại số	3		
3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	
4	Nguyên lý ngành du lịch	3		
5	Nhập môn quản trị sự kiện	3		
6	Kỹ năng hoạt náo	3		
	HỌC KỲ 2	**8**		
1	Chuyên ngành 1: [2] - Hướng dẫn và thuyết minh du lịch (3tc) - Nghiệp vụ nhà hàng (3tc) - Du lịch sức khỏe và du lịch chữa bệnh (2tc)	3	Tự chọn	
2	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	2		
3	Ngoại ngữ 2	3	Tự chọn	
	HỌC KỲ 3	**18**		
1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
2	Ngoại ngữ 3	3	Tự chọn	A
3	Tổ chức sự kiện	3		A

[2] Học kỳ 2, chuyên ngành Du lịch sức khỏe: 7 tín chỉ.

4	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	B
5	Ngoại ngữ 4	3	Tự chọn	B
6	Chuyên đề 1: Y tế du lịch	1		B
7	Chuyên ngành 2: - Tuyến điểm du lịch (3tc) - Nghiệp vụ pha chế (3tc) - Chăm sóc sức khỏe tinh thần (3tc)	3	Tự chọn	B
TT	**NĂM THỨ 2**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		51		
	HỌC KỲ 4	**16**		
1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
2	Ngoại ngữ 5	3	Tự chọn	A
3	Chuyên đề 2: Thủ tục xuất nhập cảnh	1		A
4	Giáo dục quốc phòng – an ninh	6		B
5	Thực tập nhận thức (8 tuần)	3		B
	HỌC KỲ 5	**6**		
1	Ngoại ngữ 6	3		
2	Chuyên ngành 3: [3] - Thiết kế tour du lịch (3tc) - Quản trị tiền sảnh (3tc) - Các liêu pháp chăm sóc sức khỏe 1 (2tc)	3	Tự chọn	
	HỌC KỲ 6	**19**		
1	Giáo dục thể chất	3	Tự chọn	A
2	Kỹ năng lập kế hoạch	3		A
3	Đề án du lịch 1	2		A
4	Chuyên ngành 4: [4] - Quản trị khu giải trí (2tc) - Các liêu pháp chăm sóc sức khỏe 1 (2tc)	2	Tự chọn	A
5	Triết học Mác – Lênin	3		B
6	Sales and marketing	3		B
7	Chuyên ngành 5: - Kỹ năng truyền thông trong du lịch (3tc) - Catering (3tc) - Dịch vụ chăm sóc khách hàng trong du lịch sức khỏe (3tc)	3	Tự chọn	B

[3] Học kỳ 5, chuyên ngành Du lịch sức khỏe: 5 tín chỉ.

[4] Học kỳ 6, chuyên ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng: 17 tín chỉ

TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		35		
	HỌC KỲ 7	**18**		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
2	Đề án Du lịch 2	3		A
3	Chuyên đề 3: Pháp luật du lịch	1		A
4	Chuyên ngành 6: [5] - Du lịch M.I.C.E (2tc) - Quản trị dịch vụ ẩm thực (3tc) - Quản trị dịch vụ SPA (3tc)	3	Tự chọn	A
5	Kế toán tài chính trong du lịch	3		B
6	Kỹ năng xây dựng hệ sinh thái	3		B
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
	HỌC KỲ 8	**8**		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Di sản du lịch	3		
3	Phát triển du lịch bền vững	3		
	HỌC KỲ 9	**9**		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		A
2	Kinh tế du lịch	3		A
3	Thực tập nghề nghiệp (12 tuần)	4		AB
TT	**NĂM THỨ 4**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		14		
	HỌC KỲ 10	**14**		
1	Chuyên ngành 7: - Trò chơi kinh doanh (3tc) [6] - Quản trị điểm đến du lịch sức khỏe (3tc)	3		A
2	Thực địa du lịch (1 tuần)	2		A
3	Du lịch thông minh	3		A
4	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		B
	HỌC KỲ 11	**0**		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (tiếp tục)			

[5] Học kỳ 7, chuyên ngành Quản trị Lữ hành – sự kiện: 17 tín chỉ.

[6] Áp dụng cho 02 chuyên ngành Quản trị Khách sạn – Nhà Hàng và Quản trị Lữ hành – Sự kiện.

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	**Số tín chỉ đạt**
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 –124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

Trưởng Khoa

TS. Võ Sáng Xuân Lan

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu Trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

TS. Phạm Quốc Lộc